



Bài báo nghiên cứu

**BUỐC ĐẦU TIẾP NHẬN *THE BUDDHA AND HIS DHAMMA*
CỦA DR.B.R. AMBEDKAR TỪ GÓC NHÌN VĂN HỌC**

Nguyễn Thành Trung

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thành Trung – Email: trungnt@hcmue.edu.vn

Ngày nhận bài: 14-7-2024; ngày nhận bài sửa: 25-11-2024; ngày duyệt đăng: 08-01-2025

TÓM TẮT

Với những đóng góp lớn về lí luận và thực tiễn hoạt động chính trị xã hội cho cách mạng Ấn Độ thế kỉ XX, B. R. Ambedkar được nghiên cứu chủ yếu từ góc độ tiểu sử và tư tưởng, đặc biệt là công trình *The Buddha and His Dhamma*. Bài viết này vận dụng phương pháp phê bình tiểu sử, tiếp nhận văn học và văn hóa lịch sử để tiếp nhận công trình trên từ góc độ văn học. Kết quả nghiên cứu cho thấy *The Buddha and His Dhamma* thể hiện rõ góc nhìn đặc biệt từ giai cấp Dalit, những quan điểm mới về Phật giáo cũng như khuynh hướng chính trị xã hội hóa tôn giáo phổ biến vào giữa thế kỉ XX của Ambedkar. Bài viết này là cơ sở để tiếp tục giới thiệu và nghiên cứu trước tác của Ambedkar ở Việt Nam, đặc biệt là bộ ba tác phẩm về Phật giáo.

Từ khóa: Ambedkar; góc nhìn văn học; tiếp nhận; *The Buddha and His Dhamma*

1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu về Ambedkar nói chung và *The Buddha and His Dhamma* nói riêng có ý nghĩa hết sức quan trọng về phương diện lí luận Phật giáo cũng như phương pháp luận và góc nhìn chính trị xã hội trong đời sống hiện đại. Tác phẩm *The Buddha and His Dhamma* hoàn thành chỉ 03 ngày trước khi Ambedkar tạ thế, có ý nghĩa quan trọng đối với tư tưởng và đời sống của Ambedkar, như công trình tổng kết kinh nghiệm đời sống của một học giả, nhà kinh tế chính trị Ấn Độ lỗi lạc thế kỉ XX. Nghiên cứu này vạch ra hướng ứng dụng vào nhìn nhận phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam, sự phát triển và diễn giải Phật giáo hiện đại cũng như làm rõ sự kết hợp với khuynh hướng Marxist trong Phật giáo đương thời. *The Buddha and His Dhamma* của B. R. Ambedkar được Siddhartha College Publications giới thiệu vào năm 1957 với bộ cục 08 quyển, tập trung vào ba nội dung chính là Đức Phật, Phật pháp và Thực hành Phật pháp. Qua đó, Ambedkar nhấn mạnh tầm quan trọng của công bằng xã hội và đường hướng phát triển đời sống trọn vẹn của Phật giáo. Đến nay, đã có nhiều nghiên cứu về Ambedkar, tiêu biểu như Thích Nữ Huệ Cảnh trong *Ambedkar và công cuộc hồi sinh Phật giáo Ấn Độ* (2021); gần đây Thích Nữ Hòa Thảo trong *Bhimrao Ambedkar*,

Cite this article as: Nguyen Thanh Trung (2025). The preliminary reception of *The Buddha and His Dhamma* by Dr. B. R. Ambedkar from a literary perspective. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 22(2), 352-362.

người có công hồi sinh Phật giáo ở Ấn Độ (2023) đã khái quát cuộc đời và quan điểm đấu tranh công bằng cho giai cấp thấp, phụ nữ; cụ thể hóa trong Hiến pháp Ấn Độ.

Đối với *The Buddha and His Dhamma*, Soham Chakraborty trong *In Search of the Historical Buddha: An Overview of Ambedkar's "The Buddha and His Dhamma"* đã giới thiệu khái quát những nội dung và ý nghĩa chính của tác phẩm *The Buddha and His Dhamma*. Sheetal Dinkar Kamble trong *The Buddha and His Dhamma: A Feminist Reading* đã tiếp cận tác phẩm này từ góc nhìn nữ giới khi chú ý những “Phản ứng tích cực đối với các yêu cầu của nữ giới phản ánh cái nhìn tinh tế của Đức Phật đối với phụ nữ và những trải nghiệm độc đáo của họ.”¹ (Sheetal Dinkar Kamble, 2017, p.80). Umesh B. Bansod và Hitendra B. Dhote trong *Dr. Babasaheb Ambedkar's The Buddha And His Dhamma: A Biography of Buddha Par Excellence*² lại khẳng định tính chân thực lịch sử trong tác phẩm này: “Ambedkar viết nhiều vấn đề quan trọng một cách hùng hồn và không có huyền thoại nào trong tác phẩm của ông. Ông ấy cũng bác bỏ khả năng có bất kỳ thiên thần nào tiếp cận Đức Phật và những câu chuyện kiểu như vậy” (Umesh B. Bansod, Hitendra B. Dhote, 2019, p.241). Umesh B. Bansod (2021) trong *Dr. B. R. Ambedkar's Buddha and His Dhamma: Omission for the Expurgation of Miracles* cho rằng – “Trong khi viết *Buddha and His Dhamma*, Tiến sĩ Ambedkar hẳn đã nhận ra sự cần thiết phải sàng lọc những yếu tố sự thật và hư cấu liên quan đến cuộc đời Đức Phật. Với những nghiên cứu của mình Tiến sĩ B. R. Ambedkar đã lập luận cần phải lược bỏ những điều kì diệu trong *Buddha and His Dhamma*”³ (p.428). Tuy nhiên, các nghiên cứu này phần lớn khai thác tính chính trị, xã hội của tác phẩm; chưa tập trung vào góc độ văn học của *The Buddha and His Dhamma*. Có một thực tế là tuy Ambedkar không hề viết một bài thơ hay tiểu thuyết nào nhưng lại có nhiều tác phẩm văn chương viết về ông; những tác phẩm triết luận chính trị xã hội tôn giáo của ông được đọc tụng và ngân nga bởi bộ phận không nhỏ người Ấn Độ. Cuộc đời và trước tác của Ambedkar bao hàm và khơi gợi cảm hứng văn chương nghệ thuật rất lớn. Vì vậy, mảng nghiên cứu đầu ấn và vai trò tư tưởng văn học, nghệ thuật của Ambedkar có ý nghĩa quan trọng nhưng đến nay vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Trong bối cảnh đó, đề tài *Bước đầu tiếp nhận "The Buddha and His Dhamma" của Dr. B. R. Ambedkar từ góc nhìn văn học* là nhu cầu tất yếu.

Xác định đối tượng nghiên cứu là văn bản *The Buddha and His Dhamma*, bài viết này bình luận và phân tích những vấn đề như điểm nhìn, nội dung mới và khuynh hướng kết hợp tôn giáo với quan điểm chính trị xã hội Marxist; tức đặt văn bản vào mối quan hệ rộng khắp, đồng thời quan tâm đến các chức năng nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ của văn bản. Đây chính là con đường tìm ra giá trị, đồng thời nhìn văn bản từ góc độ văn học. Mô hình nghiên cứu bài viết có thể khái quát như Bảng 1 sau đây:

¹ The positive response to the demand by women reflects Buddha's sensitivity towards women and their unique experiences.

² Dr. Ambedkar writes many critical issues eloquently and there are no myths in his writings. He also rejects the possibility of any angels approaching Buddha and blab la stories.

³ While writing *Buddha and His Dhamma*, Dr. Ambedkar must have realized the need to filter fact and fictions related to the Buddha's life. The present research justifies the omission of miracles in *Buddha and His Dhamma* by Dr. B. R. Ambedkar

Bảng 1. Mô hình nghiên cứu của đề tài

Đối tượng nghiên cứu	Mục đích nghiên cứu	Phương pháp nghiên cứu	Phương diện nghiên cứu
<i>The Buddha and His Dhamma</i>	Điểm nhìn	Tiểu sử	Vị thế và góc nhìn
	Nội dung	Tiếp nhận	Nội dung chính
	Đối sánh	Văn hóa lịch sử	Khuynh hướng xã hội hóa tôn giáo

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Vị thế và góc nhìn của Dalit (Untouchable)

Nguồn gốc xuất thân của Ambedkar chắc chắn đã để lại những ảnh hưởng nhất định chi phối vị thế và góc nhìn công trình *The Buddha and His Dhamma*. Cha Ambedkar là Ramji Maloji Sakpal – một quân nhân phục vụ quân đội Anh – và người mẹ là Bhimabai Sakpal; Bhimrao Ramji Ambedkar sinh trưởng trong gia đình tiện dân ở làng Ambadawe thuộc bang Ratnagiri, nay là Maharashtra; gia đình Ambedkar chịu những áp lực nặng nề trong xã hội Ấn Độ truyền thống. Tuy có khả năng học hành nhưng con đường giáo dục của Ambedkar gặp nhiều khó khăn và thử thách do nguồn gốc gia đình. Thuở nhỏ, Ambedkar (cái họ Bà la môn được cha nuôi ban tặng) không được cho đi học, nhờ thầy giáo Bà La Môn nhận làm con nuôi, ông trở thành học trò cùng đình đầu tiên học trường cấp 3 công lập và đại học Mumbai; về sau ông không làm việc được trong chính quyền tự trị Baroda, phải đi dạy đại học nhưng thân phận cùng đình vẫn không thôi khiến ông bị kì thị. Chính điều này đã tạo nên góc nhìn sâu sắc từ con người bị áp bức dưới đáy xã hội. Về sau, tính chất này cũng là nguồn gốc mâu thuẫn giữa Ambedkar và Gandhi, Nehru trong vấn đề xóa bỏ triệt để chế độ giai cấp, đòi quyền tuyền cử tự do. Nehru là con cái một gia đình quý tộc Bà La Môn, ông cho rằng vì tính triệt tiêu đẳng cấp quyết liệt mà Phật giáo bị bứt khỏi Ấn bởi đẳng cấp là sự mở rộng giếng mỗi gia đình, kết nối xã hội. Mahatma Gandhi xuất thân trong gia đình chính trị gia lâu đời, chỉ muốn cải biến chế độ đẳng cấp chứ không phải xóa bỏ. Thế nên ông chọn giải pháp tuyệt thực phản đối để tránh nguy cơ bạo loạn và quan ngại giải quyết mâu thuẫn giai cấp sẽ làm mờ đi mục đích độc lập dân tộc. Ambedkar phải thỏa hiệp, trên thực tiễn, theo Hiệp ước Poona, tham gia bầu cử chung với các giai cấp Hindu, song quan điểm về lí luận của ông thể hiện rất rõ ràng và mạnh mẽ trong *The Buddha and His Dhamma*.

Một trong những vấn đề chính được đề cập trong *The Buddha and His Dhamma* là lợi ích chính trị xã hội của giai cấp Dalit. Ambedkar lập luận rằng Dalit có một tập hợp lợi ích riêng biệt không phù hợp với lợi ích của các giai cấp xếp bên trên khác. Ông khẳng định rằng người Dalit đã bị áp bức và gạt ra ngoài lề trong nhiều thế kỉ; lợi ích của họ phải được giải quyết nếu Ấn Độ muốn đạt được nền dân chủ, công bằng xã hội thực sự. Theo Ambedkar, Phật giáo là phương tiện hữu hiệu trao quyền cho tầng lớp Dalit do niềm tin rằng tôn giáo, chính trị có mối liên hệ mật thiết; sự chuyển đổi xã hội đòi hỏi phải sắp xếp lại cơ bản cả hai.

Kêu gọi đấu tranh giai cấp có thể xem là chủ đề quan trọng trong *The Buddha and His Dhamma* của Ambedkar. Ông lập luận rằng hệ thống đẳng cấp là công cụ của các giai cấp trên để duy trì sự thống trị về kinh tế, xã hội đối với các giai cấp thấp hơn; cách duy nhất để thoát khỏi hệ thống này là đấu tranh giai cấp. Ambedkar tin rằng hệ thống đẳng cấp tạo ra cảm giác thống nhất giả tạo giữa các thành viên cùng đẳng cấp, bất kể tình trạng kinh tế của

họ. Sự thống nhất này phục vụ lợi ích của các giai cấp trên, những người sử dụng nó để duy trì đặc quyền đặc lợi. Ngược lại, Ambedkar coi đoàn kết giai cấp là vũ khí thách thức chế độ đẳng cấp và hướng đến bình đẳng xã hội, kinh tế. Ambedkar cho rằng các đẳng cấp thấp hơn, những người được thống nhất bởi lợi ích kinh tế chung, phải cùng nhau đòi hỏi quyền lợi chính đáng; điều đó cũng có nghĩa là thách thức hiện trạng chính trị xã hội Ấn Độ đương thời và thay thế bằng một trật tự xã hội mới dựa trên bình đẳng, tự do và công bằng xã hội. Xuyên suốt công trình này, Ambedkar trình bày những lời dạy của Đức Phật như lời kêu gọi hành động dành cho những người bị áp bức và bị gạt ra ngoài lề xã hội, thúc giục họ đứng lên chống lại hệ thống nô lệ. Ông lí giải rằng việc Đức Phật bác bỏ hệ thống đẳng cấp, nhấn mạnh quyền tự do cá nhân đã mở ra một khuôn khổ mới mang ý nghĩa đấu tranh giai cấp. Ambedkar nhấn mạnh tầm quan trọng của giáo dục và sự tự chủ về kinh tế như những phương tiện để thoát khỏi hệ thống đẳng cấp và đạt được sự dịch chuyển kinh tế và xã hội.

Tuy nhiên, cũng chính vị thế cùng đỉnh đã thúc đẩy Ambedkar thể hiện một cái nhìn bao quát, sâu sắc, vượt lên hẳn định kiến đương thời trong nhận định về vấn đề tôn giáo, đẳng cấp. Cụ thể, Ambedkar tiếp nhận các tôn giáo không như một tờ giấy trắng mà quan sát, đối chiếu từ truyền thống đến hiện tại, từ sử thi *Mahabharata*, *Ramayana* đến cả tư tưởng Thiên Chúa giáo. Ở đầu quyển 3, khi bàn về Đức Phật đã dạy những gì, Ambedkar so sánh:

4. Do đó, Chúa Jesus đã đảm bảo một vị trí cho chính Ngài bằng cách khiến sự cứu rỗi của Người Công giáo phụ thuộc vào việc họ chấp nhận Jesus là Nhà tiên tri và Con của Thiên Chúa...
10. Do đó, Mohammad đã đảm bảo một vị trí cho chính Ngài bằng cách khiến sự cứu rỗi của người Hồi giáo phụ thuộc vào sự thừa nhận Mohammad với tư cách là Nhà tiên tri của Thượng Đế.
11. Đức Phật chưa từng đưa ra điều kiện nào như vậy cả.⁴ (Ambedkar, 1957, p.215).

Cái nhìn bao quát này khiến những luận điểm của Ambedkar vững chắc và thuyết phục khi đặt trên nền tảng những đối sánh rõ ràng; ví dụ khi bàn về Niết bàn, ông đã so sánh giữa quan niệm Phật giáo với chủ nghĩa thể tục, phái Du già, Hindu giáo và Áo nghĩa thư như sau:

Bảng 2. So sánh Niết bàn (theo nội dung câu 1-15 (Ambedkar, 1957, pp.233-234))

Niết bàn của chủ nghĩa thể tục	Niết bàn của phái Du Già	Niết bàn của Hindu giáo	Niết bàn Áo nghĩa thư	Niết Bàn của Đức Phật
Thỏa mãn sở thích động vật	Hạnh phúc tạm thời			Hạnh phúc khác với cứu rỗi linh hồn
Hạnh phúc vật chất sẽ mang nhiều bất hạnh	Hạnh phúc tiêu cực		Sự cứu rỗi linh hồn	Hạnh phúc khi còn sống
Vật chất, ăn uống, vui vẻ	Hạnh phúc tách khỏi thế giới	Linh hồn tồn tại như một thực thể độc lập		Điều ngự lừa đam mê

Vì mang tính khái quát nên tác phẩm *The Buddha and His Dhamma* đậm chất tổng kết, đáp ứng đề xuất của bản thân tác giả khi ông viết bài báo cho *Mahabodhi Society's*

⁴ 4. Thus Christ secured a place for Himself by making the salvation of the Christian depend upon his acceptance of Christ as the Prophet and Son of God... 10. Mohammad thus secured a place for Himself by making the salvation of the Muslim depend upon his acknowledgment of Mohammed as the Prophet of God. 11. No such condition was ever made by the Buddha.

Journal of Calcutta vào 1951. Xác định rằng hệ thống kinh văn Phật giáo quá phong phú, khó khăn tóm lược, Ambedkar đã soạn thảo một công trình khái quát tổng kết cả tiểu sử Đức Phật, những giáo pháp của Ngài và cách tu tập, thực hành Phật pháp một cách ngắn gọn, rõ ràng và cụ thể. Những lí luận trừu tượng được cụ thể hóa và trình bày gần gũi với khả năng tiếp nhận của đại đa số quần chúng, cụ thể là đẳng cấp thấp trong xã hội. Sự đơn giản dễ hiểu đó có thể được nhận thấy qua những câu như: “2. Đất nước bị chia cắt thành nhiều bang, một số bang lớn, một số bang nhỏ. Trong đó, có bang chế độ quân chủ và một khác thì không theo chế độ quân chủ.”⁵ (Ambedkar, 1957, p.11); hay cách giải thích về khái niệm phức tạp như Niết bàn cũng được Ambedkar đơn giản hóa thông qua đối chiếu, so sánh (xem Bảng 2). Cụ thể, ông đã dùng cấu trúc lập luận quy nạp theo ba bước. Thứ nhất khẳng định sự khác biệt. Thứ hai, chỉ ra sự khác biệt về bản chất niết bàn; về ý nghĩa giải thoát linh hồn; về hạnh phúc kiếp sau của các nền tư tưởng có trước. Và cuối cùng là nhấn mạnh 3 điểm khác biệt về Niết Bàn của Phật giáo (trong đó hai điểm đầu là khẳng định khác biệt về quan điểm hạnh phúc của linh hồn đời sau; điểm thứ ba chỉ ra bản chất và con đường đạt Niết bàn) – “15. Ý tưởng thứ ba làm nền tảng cho quan niệm của ông về Niết bàn là việc kiểm soát ngọn lửa đam mê luôn bùng cháy.”⁶ (Ambedkar, 1957, p.234).

2.2. Những giải thích mới về Phật giáo

Trái với các quan điểm phương Tây xem tôn giáo là tiêu cực, Ambedkar nhấn mạnh vai trò của tôn giáo trong xã hội Ấn Độ nói riêng và thế giới nói chung ở khả năng giáo dục đạo đức sống đích thực; thế nên, ông ra sức phục hưng Phật giáo ở Ấn Độ nhằm chống chế độ phân biệt đẳng cấp, coi khinh con người. Những kiến giải mới mẻ mà khuynh hướng tư tưởng của Ambedkar được gọi là Phong trào Phật giáo Mới (Navayana), một phong trào mạnh mẽ tập trung chủ yếu tại tiểu bang Maharashtra, thành phố Nagpur. Tuy nhiên, cần lưu ý là Ambedkar không có ý định xây dựng một trường phái Phật giáo mới mà thật ra là tiếp thu đa số các vấn đề của Phật giáo Nguyên thủy, một số nội dung Phật giáo Phát triển, Kim cương thừa... nhưng phủ nhận các yếu tố thần thông, huyền ảo, pháp thuật. Những luận giải của Ambedkar đa phần bổ sung và trả lời những câu hỏi thời đại dành cho Phật giáo như tính bi quan yếm thế, mâu thuẫn phi linh hồn nhưng tái sinh...

Thứ nhất, Ambedkar lập luận rằng nguyên nhân Đức Phật trở thành một *Parivrajaka* (kẻ lang thang, hành khất tu học) không thể vì nhìn thấy cảnh già, bệnh, chết ở ba cửa kinh thành mà phải có nguyên nhân sâu sắc khác. Ông lí giải việc này bằng mối xung đột giữa hai tộc Sakyas và Koliyas trong việc lấy nước từ sông Rohini và quyết định phát động chiến tranh của hội đồng Sakyas. Đức Phật đã phản đối quyết định của đa số hội đồng và phải bị trừng phạt, nhưng với thân phận của mình, để tránh làm khó hội đồng, Ngài đã tự đưa ra hình phạt: “Siddhartha Gautama nói: “Nếu việc này quá khó khăn, ta có thể dễ dàng gợi ý một lối thoát.” “Ta có thể trở thành một kẻ lang thang và rời khỏi đất nước này. Đó cũng là

⁵ 2. The country was divided into many States, some large, some small. Of these, some were monarchical and some non-monarchical.

⁶ 15. The third idea which underlies his conception of Nibbana is the exercise of control over the flames of the passions which are always on fire.

một loại lưu đày vậy.”⁷ (Ambedkar, 1957, p.28). Như vậy, lí giải sự việc từ mâu thuẫn quyền lợi kinh tế của hai cộng đồng, Ambedkar đã trình bày nguyên nhân thuyết phục hơn để Đức Phật rời bỏ gia đình, xuất gia tu học như một hành giả lang thang. Thế nhưng với quá trình đi nhiều nơi, thấy nhiều việc, nghĩ nhiều điều, Phật đã nhận ra mâu thuẫn không chỉ giữa hai quốc gia mà là giữa những đẳng cấp với nhau, giữa người với người... Thế nên Ngài đã không trở về dù cuộc chiến giữa hai vương quốc đã kết thúc.

Thứ hai, Ambedkar lập luận để chứng minh Tứ diệu đế không bị quan mà có nguồn gốc từ hiện thực. Bởi nguồn gốc khổ đau là mâu thuẫn lợi ích kinh tế giữa các giai cấp: “Nhưng xung đột giữa các giai cấp là không ngừng và vĩnh viễn. Chính điều này là gốc rễ của mọi phiền não và khổ đau trên đời”⁸ (Ambedkar, 1957, pp.57-58) nên cần tập trung giải quyết các vấn đề mang tính cụ thể và hiện thực này. Phán quyết Phật giáo bị quan khi chỉ nhìn vào khổ đế là góc nhìn phiến diện, bởi nỗ lực chỉ ra nguồn gốc và con đường diệt khổ đã có ý nghĩa xã hội hiện thực và tích cực cao độ. Theo cách này, các khái niệm trọng tâm của Phật giáo cũng được diễn giải lại theo quan điểm đấu tranh giai cấp; tiêu biểu như niết bàn chẳng phải mục đích cuối cùng mà chỉ là bước chuẩn bị cho những hành động cách mạng thực tiễn. Vì vậy, sự cứu rỗi một linh hồn không quan trọng bằng sự hạnh phúc khi còn ở đời này. Và hạnh phúc ở đời này đôi khi phải đổi lấy bằng đấu tranh: “Khi đức hạnh lâm nguy thì đừng tránh tranh đấu mà chỉ nói suông”⁹ (Ambedkar, 1957, p.447).

Thứ ba, Ambedkar giải quyết mâu thuẫn quan niệm không có linh hồn nhưng lại có nghiệp báo và tái sinh bằng ví dụ đơn giản về cây xoài đá: “5. Có cây xoài đá. Tảng đá sinh ra cây xoài. Cây xoài ra trái xoài. 6. Đây là sự tái sinh của một quả xoài. 7. Nhưng không có Linh hồn.”¹⁰ (Ambedkar, 1957, p.513). Cũng như phủ nhận một đấng sáng thế tạo dựng trời đất và muôn vật, Đức Phật cũng phủ định luôn linh hồn, hay ít ra là không bàn nhiều về đề tài này. “Sự tồn tại của linh hồn mà Ngài hoặc phớt lờ hoặc phủ nhận... Ngài chấp nhận luật nhân quả vĩ đại cùng những kết quả của nó”¹¹ (Ambedkar, 1957, p.104). Vì luật nhân quả nên nghiệp báo và tái sinh có tác động rộng khắp, không bị kết thúc đột ngột. Do vậy mà chính bản thân đối tượng tạo nghiệp và nhận nghiệp, tu tập và đắc đạo, độc lập khỏi bất kì một đấng siêu nhiên nào. Thế nên khi Chúa Jesus tuyên bố mình là Con của Chúa, Mohammad nói rằng ông là Nhà tiên tri được Chúa gửi đến và Krishna tự nhận mình là Chúa thì những thông điệp của các Ngài đều mang tính mặc khải và tín đồ phải tin để được giải thoát. Riêng giáo lí Đức Phật thì không như vậy.

2.3. *Khuyh hướng cách mạng chính trị xã hội hóa tôn giáo*

⁷ 2. "If this is the difficulty I can easily suggest a way out," said Siddharth Gautama. "I can become a Parivrajaka and leave this country. It is a kind of an exile".

⁸ But the conflict between classes is constant and perpetual. It is this which is the root of all sorrow and suffering in the world

⁹ 7. Where virtue is in danger do not avoid fighting, do not be mealy-mouthed

¹⁰ 5. There is a mango stone. The stone gives rise to a mango tree. The mango tree produces mangoes. 6. Here is rebirth of a mango. 7. But there is no Soul.

¹¹ The existence of the soul he either ignored or denied... He accepted the great grand law of cause and effect with its corollaries.

Trong tất cả những luận giải mới của Ambedkar, có thể nói, khuynh hướng cách mạng xã hội hóa tôn giáo là nổi bật nhất, hướng đến mở rộng phạm vi lí tưởng đạo đức Phật giáo từ cá thể vươn đến tập thể, cụ thể là quan điểm đấu tranh giai cấp theo tinh thần Phật giáo. Quan điểm của Ambedkar về đấu tranh giai cấp bắt nguồn từ sự hiểu biết và cảm nhận sâu sắc của ông về hệ thống đẳng cấp ở Ấn Độ. Ambedkar coi hệ thống đẳng cấp là một dạng phân cấp xã hội duy trì sự bất bình đẳng và phân biệt đối xử dựa trên nguồn gốc đã tạo ra một cuộc đấu tranh giai cấp giữa các đẳng cấp trên và các đẳng cấp thấp hơn, mà chỉ có thể giải quyết thông qua sự chuyển đổi căn bản của xã hội. Ambedkar tin rằng Phật giáo cung cấp phương thức đấu tranh chống chế độ đẳng cấp và thúc đẩy bình đẳng xã hội. Bởi lẽ Phật giáo là triết lí nhấn mạnh sự bình đẳng của tất cả chúng sinh và tầm quan trọng giải thoát cá nhân; Phật giáo Navayana, hay “Tân Phật giáo” là sự diễn giải lại các giáo lí Phật giáo truyền thống theo cách phù hợp với Ấn Độ hiện đại và bối cảnh xã hội và chính trị đương thời. Đồng thời, Ambedkar coi việc chuyển sang Phật giáo là cách thức để thoát khỏi hệ thống đẳng cấp và tạo ra một xã hội mới dựa trên sự bình đẳng và bác ái. Với Ambedkar, từ bỏ tôn giáo là cách đấu tranh với chính phủ Gandhi theo phương pháp bất bạo động. Dù được chính quyền Anh đồng thuận nhưng những cải cách mang nặng tính giai cấp có thể dẫn đến xung đột lớn nên Gandhi tuyệt thực, buộc chính quyền phải thỏa hiệp. Và như một phản ứng bảo vệ quan điểm, Ambedkar tuyên bố từ bỏ tôn giáo Hindu. Ông tin rằng Phật giáo có thể cung cấp nền tảng tinh thần và đạo đức cho một trật tự xã hội mới, nơi mỗi cá nhân bị đánh giá không phải bởi dòng dõi mà bởi tính cách và hành động của họ.

Hoàn cảnh kinh tế chính trị xã hội thế giới cũng có vai trò thúc đẩy Ambedkar đến với khuynh hướng cách mạng xã hội tôn giáo. Ở Ấn Độ, Đế quốc Anh nắm quyền cai trị từ đầu thế kỉ 18 đến 1947 gián tiếp qua Công ty Đông Ấn rồi trực tiếp bởi chính phủ Anh. Kết quả là nạn đói tràn lan, bất công xã hội dựa trên phân biệt đẳng cấp Brahmana, Ksatriya, Vaisya, Sudra và Dalit (untouchable people) vẫn được duy trì. Tuy nhiên chính quyền Anh quốc lại tạo điều kiện cho những đẳng cấp thấp đi học và có những ủng hộ nhất định để khoét sâu mâu thuẫn và chia rẽ xã hội Ấn Độ. Thập niên 1930, thời gian Gandhi nắm quyền, chính quyền thuộc địa thảo luận với chính quyền Anh thành lập bản Hiến Pháp mới nhằm từng bước giành quyền độc lập. Trong hoàn cảnh đó, vấn đề tôn giáo, giai cấp được vận dụng như luận chứng trên bàn đàm phán để đấu tranh; nhưng về sau điều này gây chia rẽ giữa Gandhi và Ambedkar. Mỗi quan tâm đấu tranh đòi quyền lợi cho giai cấp Dalit đã đưa quan điểm của Ambedkar đến gần với chủ nghĩa Marx. Sau khi thi đỗ vào Đại học Bombay, Ambedkar được công nhận là một trong những sinh viên đầu tiên xuất thân từ giai cấp tiện dân. Năm 1912, sau khi tốt nghiệp cử nhân, ông bắt đầu làm việc cho chính quyền Baroda (nay là tiểu bang Gujarat) trong vòng một năm. Năm 1913, ông được cấp học bổng của bang Baroda để đi du học tại Đại học Columbia ở New York, Hoa Kỳ. Từ năm 1913 đến 1917, ông đã hoàn thành chương trình Thạc sĩ và Tiến sĩ Kinh tế Chính trị tại Đại học Columbia; từ 1916 đến 1923, ông tiếp tục học tập và đạt bằng Tiến sĩ Kinh tế tại Đại học London. Ambedkar, một nhà kinh tế, dựa trên kinh nghiệm của mình, đã kết luận rằng chế độ giai cấp trong đạo Hindu ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế Ấn Độ; điều này chỉ có thể giải quyết bằng cách

xóa bỏ chế độ giai cấp triệt để mà trước hết là đòi quyền bầu cử độc lập cho nhóm dân Dalit. Thông qua các nghiên cứu của mình, Ambedkar thường liên hệ và trích dẫn ý kiến Karl Marx: “Karl Marx cũng nói rằng có sự bóc lột trên thế giới, người giàu ngày càng giàu hơn và người nghèo ngày càng nghèo đi.”¹² (Ambedkar, 1957, p.512). Trên cơ sở quan điểm Marx, Ambedkar kết luận nguồn gốc đau khổ bắt nguồn từ mâu thuẫn lợi ích vật chất, kinh tế: “8. Có một bài giảng được ghi lại minh bạch là Đức Phật ý thức rất rõ ràng nghèo đói là nguyên nhân của đau khổ. 23. Như vậy quan niệm của Đức Phật về Dukkha (khổ) là vấn đề vật chất.¹³” (Ambedkar, 1957, pp.510-511). Như vậy, mâu thuẫn về giai cấp được quy về lí giải bằng quyền mọi, mâu thuẫn kinh tế và hạnh phúc phải được thể hiện ở hiện tại: “Trong số này, hạnh phúc của một chúng sinh khác biệt với sự cứu rỗi của linh hồn là một. 14. Ý thứ hai là hạnh phúc của chúng sinh trong luân hồi (phải thể hiện) khi còn sống.¹⁴” (Ambedkar, 1957, p.234).

Cách mạng theo hướng chính trị xã hội hóa tôn giáo thế kỉ XX là hiện tượng phổ biến khi hệ thống thuộc địa Thực dân Đế quốc kiểu cũ tan rã, nhân dân các nước thuộc địa giành độc lập và giải quyết những khủng hoảng kinh tế, xã hội chính trị sâu sắc mà các nước hậu thuộc địa gặp phải. Cuộc cách mạng chính trị xã hội hóa của Ambedkar có thể được hiểu rõ hơn thông qua đối sánh với khuynh hướng Thần học giải phóng ở Mĩ Latin, được đề xuất bởi Gustavo Gutiérrez trong *A Theology of Liberation* (1971). “Thần học giải phóng đề xuất cách giải thích khác về Kinh Thánh, nhìn nhận Jesus như nhà cách mạng, nhấn mạnh vào sự giải phóng ở cuộc sống đời này, vận dụng triết học Marx vào phân tích nguồn gốc tội lỗi và tìm kiếm giải pháp thông qua cách mạng. Hoàn cảnh xã hội Mĩ Latin đã yêu cầu các nhà thần học như Gustavo Gutierrez, Leonardo Boff khởi xướng cuộc cách mạng giải phóng cả tinh thần lẫn kinh tế cho người nghèo, người Mĩ Latin, người da đen và phụ nữ.” (Nguyen, 2021, pp.82-83). Tính chất và phương hướng của Thần học giải phóng khá tương đồng với Navayana, tuy nhiên định hướng của Ambedkar đã làm Navayana ít gặp trở ngại hơn so với thần học giải phóng. Bởi trong khi nhà tư tưởng chính trị xã hội Ấn kế thừa và giải thích lại Phật giáo thì các nhà Thần học giải phóng lại mạnh mẽ kêu gọi một cách hiểu mới: “Thần học giải phóng hiện đang đề xuất một mô hình mới về sự cứu rỗi. Nó tập trung vào sự đau khổ của con người... Nó kêu gọi sự chuyển đổi xã hội theo hướng xóa bỏ tình trạng bất công, nghèo đói và áp bức.”¹⁵ (Fuellenbach, 1989, pp.18-19). Bởi cách thức trình bày mạnh mẽ mang tính cách mạng này mà Thần học Giải phóng vấp phải chỉ trích của Tòa thánh Vatican, cụ thể là qua các bài giảng và *Instruction on certain aspects of the “Theology of Liberation”* (1984-1986) của Giáo hoàng John Paul II, trên ba điểm gồm lạm dụng triết học Marxist, giải

¹² Karl Marx also said that there is exploitation in the world, and the rich are being made richer and the poor are being made poorer.

¹³ 8. There is a sermon on record from which it is clear that the Buddha was very much aware that poverty was a cause of sorrow. 23. Thus the Buddha's conception of Dukkha is material.

¹⁴ Of these the happiness of a sentient being as distinct from the salvation of the soul is one. 14. The second idea is the happiness of the sentient being in Samsara while he is alive...

¹⁵ Liberation theology is currently proposing a new paradigm of salvation. It focuses on the wretchedness of human condition... It calls for the transformation of society that would no longer tolerate the situation of injustice, poverty, and oppression generated by the social system.

thích sai Kinh Thánh và đồng nhất giải phóng xã hội với ơn cứu độ. Ở một góc độ nhất định, các lập luận của Ambedkar đều có thể bị chỉ trích ở những điểm này; tuy nhiên khác với hệ thống quản lí chặt chẽ và quyết định mang tính hành chính thần quyền của Công giáo, mô hình Phật giáo lại không có cơ chế cho ra đời những phán quyết như vậy nên Navayana vẫn phát triển và có vị trí riêng mình. Tuy nhiên, sau Ambedkar không có người kế tục sự nghiệp để phát triển hệ thống lí luận và thực tiễn của Navayana; khuynh hướng Bỏ tất hóa Ambedkar vừa là tôn vinh nhưng cũng đồng thời đóng lại, quy phạm hóa hệ thống tư tưởng *The Buddha and His Dhamma*. Vì vậy, Navayana không có sự phong phú lí luận và thực tiễn như Thần học Giải phóng qua nhiều tên tuổi như Gustavo Gutierrez, Juan Luis Segundo, Hugo Assman, Segundo Galilea, Ruben Alves và phát triển rộng khắp châu Mỹ, châu Á, châu Phi bất chấp phản ứng của Tòa thánh La Mã; tạo nên những biểu hiện phong phú và nổi bật trong văn học nghệ thuật (Tiểu thuyết của G.G. Marquez, *Christ with the People* – tranh của Maximino Cerezo Berreda, *Good Government* – tranh của Sergio Michilini...)

Nhìn từ kinh nghiệm văn học nghệ thuật của Thần học Giải phóng Mĩ Latin, có thể thấy văn học nói riêng có khả năng phổ biến và phát triển tư tưởng chính trị, xã hội tôn giáo mạnh mẽ thông qua con đường riêng của mình; tác phẩm *The Buddha and His Dhamma* hoàn toàn có thể tiếp cận từ phương hướng này. Thứ nhất, *The Buddha and His Dhamma* có khả năng khái quát hóa thông tin hiện thực vào nhận thức, từ đó giúp độc giả nhận thức thế giới và bản thân, phá vỡ những giới hạn tồn tại nhất định để có thể sống và trải nghiệm nhiều hơn đời sống cá nhân. Như ý kiến của Ambedkar: “15. Mục đích của Tôn giáo là giải thích nguồn gốc của thế giới. Mục đích của Chánh pháp là tái tạo lại thế giới.”¹⁶ (Ambedkar, 1957, p.322). Rải rác suốt 08 quyển của *The Buddha and His Dhamma* là những câu chuyện được kể ngắn gọn nhưng vẫn đầy đủ ý nghĩa như việc Phật chấp nhận phụ nữ vào tăng đoàn; đặc biệt là chuyện Chandaliika (Ma đấng già) nhập ni đoàn. Bên cạnh đó, tác phẩm này còn có khả năng giáo dục thông qua giảng dạy các bài học luân lí và đạo đức; qua đó giúp độc giả nhìn nhận giá trị đạo đức trong hoàn cảnh cuộc đời cụ thể: “Cách duy nhất để chấm dứt xung đột là có những quy tắc đạo đức chung thiêng liêng đối với tất cả mọi người.”¹⁷ (Ambedkar, 1957, p.325). Đây chính là chức năng thanh lọc tâm hồn, rèn luyện khả năng tự giáo dục của văn học nghệ thuật. Cuối cùng, tác phẩm *The Buddha and His Dhamma* cũng mang giá trị thẩm mĩ đáng chú ý bởi nhiều đoạn kể về cuộc đời Đức Phật rất hay, mang tính thẩm mĩ cao. Văn bản này không chỉ hình thành các phẩm chất đạo đức mà còn mang đến cho độc giả niềm vui và cái đẹp; đặc biệt là có thể nhận ra cái đẹp trong thiên nhiên, nghệ thuật và con người. Ví dụ như đoạn: “Từ gốc đến tận ngọn cây, cây cối trĩu quả, hoa tươi và vô số con ong đủ màu sắc, phát ra những âm thanh kì lạ, và những đàn chim đủ loại hót những giai điệu ngọt ngào.”¹⁸ (Ambedkar, 1957, p.14). Những đoạn như vậy rõ ràng có tác dụng phát triển khả năng cảm thụ và sáng tạo cái đẹp. Đặc biệt, toàn bộ tác phẩm *The Buddha and His*

¹⁶ The purpose of Religion is to explain the origin of the world. The purpose of Dhamma is to reconstruct the world.

¹⁷ “The only way to put a stop to conflict is to have common rules of morality which are sacred to all”.

¹⁸ From the roots to the tips of the branches the trees were loaded with fruits, flowers and numberless bees of the fine colours, uttering curious sounds, and flocks of various kinds of birds, singing sweet melodies

Dhamma đã thành công khi khái quát hóa rất hay ba nội dung gồm Đức Phật, Phật Pháp và thực hành Phật pháp rất tập trung, gọn gàng, hệ thống, dễ đọc, dễ hiểu. Đây chính là biểu hiện của nghệ thuật bậc thầy về văn chính luận.

3. Kết luận

Như vậy, thông qua quá trình khảo sát giá trị tư tưởng và nghệ thuật của *The Buddha and His Dhamma*, bài viết này đã vận dụng phối hợp ba phương pháp nghiên cứu văn học làm nổi bật điểm nhìn đặc biệt từ đẳng cấp Dalit, những giải thích mới về Phật giáo cũng như phân tích khuynh hướng cách mạng chính trị xã hội hóa tôn giáo của Ambedkar. Đây là kết quả của hướng nghiên cứu liên ngành trên tinh thần hiểu khái niệm văn bản văn học trong góc độ rộng nhất; đây có lẽ là tương lai của nghiên cứu khi các chuyên ngành có khuynh hướng xích lại gần nhau và con người có nhu cầu nhìn vấn đề ngày một toàn diện và hệ thống hơn.

Trên tinh thần tiếp nhận, bài viết này đã trình bày các nội dung chính, những điểm đặc sắc của *The Buddha and His Dhamma* và phân tích những đóng góp của Ambedkar trong phục hồi Phật giáo tại Ấn với con đường đấu tranh giải phóng, tập trung giải quyết bất bình đẳng xã hội và đề xuất một triết lý sống hiện đại trong hoàn cảnh đa văn hóa, toàn cầu hóa. Tất nhiên đã có ý kiến phản đối Ambedkar nói chung và *The Buddha and His Dhamma* nói riêng khi đơn giản hóa giáo lý, khái niệm Phật giáo, tạo nên sự chia rẽ xã hội và lệch lạc khỏi truyền thống Phật giáo Nguyên thủy. Hiện tượng này làm rõ bản chất tiếp nhận – từ nhiều góc độ, phương pháp, mục đích khác nhau sẽ cho ra kết quả khác biệt; Ambedkar đã tiếp nhận giáo lý Phật giáo, tư tưởng và tác phẩm của ông sẽ được tiếp tục tiếp nhận dù theo cách nào đi nữa vẫn thể hiện được sức ảnh hưởng lớn lao mà ông để lại. Trong giới hạn của đề tài này, có thể nói, định hướng, phương thức, tư tưởng của Ambedkar thể hiện qua *The Buddha and His Dhamma* là hợp lý, phát huy tác dụng thực tế và có ý nghĩa lớn trong quá trình đấu tranh vì sự tiến bộ của con người, chấn hưng Phật giáo và phát triển tư tưởng nhân loại.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ambedkar, B. R. (1957). *The Buddha and His Dhamma*. Delhi: Siddharth College Publication.
- Bansod, U. B. (2021). “Dr. B.R Ambedkar's Buddha and His Dhamma: Omission for the Expurgation of Miracles”. *Research Journal of English Language and Literature (RJELAL)*, 9(1) (Special Issue), 428-430.
- Bansod, U. B. & Dhote, H. B. (2019). “Dr. Babasaheb Ambedkar’s The Buddha and His Dhamma: A Biography of Buddha Par Excellence”, *The Journey of Indian Languages: Perspectives on Culture and Society*, 3, 239-243.
- Fuellenbach, J. SVD. (1989). *Hermeneutics, Marxism and Liberation Theology*. Manila: Divine World Publications.

- Gutiérrez, G. (1988). *A Theology of Liberation: History, Politics, and Salvation (15th Anniversary Edition with New Introduction by Author)* [1971]. Orbis Books.
- Kamble, S. D. (2017). The Buddha and His Dhamma: A Feminist Reading. *Research Journey*, Special Issue 19: Dr. B.R. Ambedkar and Different Dimensions to Social Change, 78-86.
- Nguyen, T. T. (2021). Narrative art Latin American urban legends in relation to liberation theology [Nghe thuat tu su Truyen thuyet do thi My Latin trong tuong quan than hoc giai phong"]. *Literary Research Journal*, 12(598), 80-92.
- Paul, J. II. (1984). *Instruction on certain aspects of the "Theology of Liberation*. Ordinary Meeting of the Sacred Congregation for the Doctrine of the Faith. https://www.vatican.va/roman_curia/congregations/cfaith/documents/rc_con_cfaith_doc_19840806_theology-liberation_en.html
- Soham Chakraborty. In Search of the Historical Buddha: An Overview of Ambedkar's "The Buddha and His Dhamma. *Journal on Theory and Praxis*. <https://www.allaboutambedkaronline.com/post/an-overview-of-the-buddha-and-his-dhamma>
- Thich Nu Hue Canh (2021). Ambedkar and the Revival of Buddhism in India [Ambedkar va cong cuoc hoi sinh Phat giao An Do]. *Journal of Buddhist Studies*. <https://tapchinghiencuuphathoc.vn/ambedkar-va-cong-cuoc-hoi-sinh-phat-giao-an-do.html>
- Thich Nu Hoa Thao (2023). Bhimrao Ambedkar, the architect of Buddhism's revival in India. [Bhimrao Ambedkar, nguai co cong hoi sinh Phat giao o An Do]. *Buddhism Research Journal*. <https://tapchinghiencuuphathoc.vn/bhimrao-ambedkar-nguai-co-cong-hoi-sinh-phat-giao-o-an-do.html>
- Verma, V. (2010). Reinterpreting Buddhism: Ambedkar on the Politics of Social Action. *EPW Economic & Political Weekly*, December 4, 2010, XLV(49), 56-65.

**THE PRELIMINARY RECEPTION OF THE BUDDHA AND HIS DHAMMA
BY DR. B. R. AMBEDKAR FROM A LITERARY PERSPECTIVE**

Nguyen Thanh Trung

Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

Corresponding author: Nguyen thanh Trung – Email: trungnt@hcmue.edu.vn

Received: July 14, 2024; Revised: November 25, 2024; Accepted: January 08, 2025

ABSTRACT

*With significant contributions to the theoretical and practical aspects of the Indian social and political revolution in the 20th century, B.R. Ambedkar has been primarily studied from a biographical and ideological perspective, particularly through his work *The Buddha and His Dhamma*. This article applies methods of biographical criticism, literary reception, and cultural history to approach the work from a literary perspective. The research findings demonstrate that *The Buddha and His Dhamma* presents a distinctive viewpoint from the Dalit class, new perspectives on Buddhism, and the socio-political trend of religious secularization in the mid-20th century by Ambedkar. This article serves as a foundation for further introducing and studying Ambedkar's works in Vietnam, particularly his trilogy on Buddhism.*

Keywords: Ambedkar; literary perspective; reception; The Buddha and His Dhamma